

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG NAM Á

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 49



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG NAM Á

25 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á (gọi tắt là "Ngân hàng") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đã điều hành Ngân hàng trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Văn Tấn	Chủ tịch (được bầu từ ngày 12 tháng 4 năm 2018)
Bà Nguyễn Thị Nga	Phó Chủ tịch Thường trực
Bà Lê Thu Thủy	Phó Chủ tịch (được bầu từ ngày 12 tháng 4 năm 2018)
Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm	Phó Chủ tịch
Ông Hoàng Minh Tân	Thành viên
Ông Bùi Trung Kiên	Thành viên (được bầu từ ngày 12 tháng 4 năm 2018)
Bà Ngô Thị Nhài	Thành viên độc lập (được bầu từ ngày 12 tháng 4 năm 2018)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Lê Thu Thủy	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2018)
Ông Lê Văn Tấn	Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành Ngân hàng (bổ nhiệm ngày 08 tháng 02 năm 2018, miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2018)
Ông Nguyễn Cảnh Vinh	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 08 tháng 02 năm 2018)
Ông Lê Quốc Long	Phó Tổng Giám đốc Thường trực (bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2018)
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Đình Khoán	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thanh Thủy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Mạnh Phú	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2018)
Ông Nguyễn Hướng Minh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2018)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG NAM Á

25 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Ngân hàng và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Ngân hàng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc

(Theo Thư ủy quyền số 37/2019/QĐ-HĐQT
ngày 15 tháng 01 năm 2019)

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2019



Số: 668 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á (gọi chung là "Ngân hàng") được lập ngày 11 tháng 3 năm 2019 từ trang 5 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 30 tháng 3 năm 2018 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0036-2018-001-1

Phạm Tuấn Linh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3001-2019-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 11 tháng 3 năm 2019
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN			
I.	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5	1.020.865	735.333
II.	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN)	6	1.704.282	3.409.370
III.	Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	7	19.139.676	17.229.949
1.	Tiền gửi tại các TCTD khác		16.376.487	15.168.298
2.	Cho vay các TCTD khác		2.763.189	2.061.651
IV.	Chứng khoán kinh doanh	8	7.221.868	4.460.342
1.	Chứng khoán kinh doanh		7.305.621	4.460.342
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(83.753)	-
V.	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	9	-	10.911
VI.	Cho vay khách hàng		83.008.343	69.921.052
1.	Cho vay khách hàng	10	83.910.159	70.525.510
2.	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	11	(901.816)	(604.458)
VII.	Hoạt động mua nợ		32.201	41.832
1.	Mua nợ		41.832	41.832
2.	Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ	12	(9.631)	-
VIII.	Chứng khoán đầu tư	13	20.533.761	22.060.211
1.	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		17.839.505	18.248.264
2.	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		3.858.617	4.876.430
3.	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		(1.164.361)	(1.064.483)
IX.	Góp vốn, đầu tư dài hạn	14	205.729	179.024
1.	Đầu tư vào công ty liên kết		72.000	72.000
2.	Đầu tư dài hạn khác		191.423	107.024
3.	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(57.694)	-
X.	Tài sản cố định		775.512	374.686
1.	Tài sản cố định hữu hình	15	223.486	230.084
a.	Nguyên giá TSCĐ		603.837	571.560
b.	Hao mòn TSCĐ		(380.351)	(341.476)
2.	Tài sản cố định vô hình	16	552.026	144.602
a.	Nguyên giá TSCĐ		671.058	242.951
b.	Hao mòn TSCĐ		(119.032)	(98.349)
XI.	Bất động sản đầu tư	17	239.893	260.921
a.	Nguyên giá BĐSĐT		245.769	266.115
b.	Hao mòn BĐSĐT		(5.876)	(5.194)
XII.	Tài sản Có khác	18	6.605.060	6.325.329
1.	Các khoản phải thu		1.316.732	1.570.119
2.	Các khoản lãi, phí phải thu		2.842.938	2.525.250
3.	Tài sản Có khác		2.460.013	2.238.918
-	Trong đó: Lợi thế thương mại	20	694.254	-
4.	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(14.623)	(8.958)
TỔNG TÀI SẢN CÓ			140.487.190	125.008.960

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I.	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	19	7.282.152	310.758
II.	Tiền gửi và vay các TCTD khác	21	29.248.786	32.601.506
1.	Tiền gửi của các TCTD khác		20.335.937	18.711.084
2.	Vay các TCTD khác		8.912.849	13.890.422
III.	Tiền gửi của khách hàng	22	84.344.557	80.039.516
IV.	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	9	70.230	-
V.	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro		1.020	393
VI.	Phát hành giấy tờ có giá	23	8.105.000	3.728.000
VII.	Các khoản nợ khác	24	3.133.940	2.154.182
1.	Các khoản lãi, phí phải trả		2.766.520	1.797.500
2.	Các khoản phải trả và công nợ khác		367.420	356.682
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ			132.185.685	118.834.355
VIII.	Vốn chủ sở hữu	25	8.301.505	6.174.605
1.	Vốn của TCTD		7.688.000	5.465.881
a.	Vốn điều lệ		7.688.000	5.465.826
b.	Vốn khác		-	55
2.	Quỹ của TCTD		194.795	219.358
3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		418.710	489.366
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU			8.301.505	6.174.605
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			140.487.190	125.008.960

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: Triệu VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Bảo lãnh vay vốn	37	101.747	104.043
2.	Cam kết giao dịch hối đoái	37	86.325.278	77.715.724
	Cam kết mua ngoại tệ		14.218.893	12.821.780
	Cam kết bán ngoại tệ		14.217.592	12.856.973
	Cam kết giao dịch hoán đổi		57.888.793	52.036.971
3.	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	37	706.051	350.549
4.	Bảo lãnh khác	37	3.889.707	1.095.660
5.	Các cam kết khác		8.434.600	5.515.574

Người lập biểu



Nghiêm Thị Thu Nga
Người lập biểu

Người phê duyệt



Nguyễn Thị Hoài Phương
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Nguyễn Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	26	8.659.444	7.371.235
2.	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	27	(6.322.331)	(5.398.816)
I.	Thu nhập lãi thuần		2.337.113	1.972.419
3.	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		301.024	212.709
4.	Chi phí hoạt động dịch vụ		(115.173)	(147.231)
II.	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	28	185.851	65.478
III.	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	29	32.258	7.570
IV.	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	30	49.672	57.643
V.	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	30	184.706	89.671
5.	Thu nhập từ hoạt động khác		29.392	2.201
6.	Chi phí hoạt động khác		(9.305)	(1.177)
VI.	Lãi thuần từ hoạt động khác		20.087	1.024
VII.	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần		1.994	1.970
VIII.	Chi phí hoạt động	31	(1.632.860)	(1.268.553)
IX.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		1.178.821	927.222
X.	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		(556.384)	(545.991)
XI.	Tổng lợi nhuận trước thuế		622.437	381.231
7.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	32	(129.091)	(76.373)
XII.	Chi phí thuế TNDN		(129.091)	(76.373)
XIII.	Lợi nhuận sau thuế TNDN		493.346	304.858
XIV.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	33	785	489

Người lập biểu



Nghiêm Thị Thu Nga
Người lập biểu

Ngày 11 tháng 3 năm 2019

Người phê duyệt



Nguyễn Thị Hoài Phương
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Nguyễn Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: Triệu VND

STT CHỈ TIÊU	Năm nay VND	Năm trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	8.343.246	6.976.212
02. Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(5.353.376)	(4.788.510)
03. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	189.480	64.026
04. Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)	271.939	158.240
05. Thu nhập khác	3.448	873
06. Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	17.070	200
07. Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(1.551.687)	(1.210.140)
08. Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	(75.021)	(47.081)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động	1.845.099	1.153.820
Những thay đổi về tài sản hoạt động	(14.998.024)	(16.319.983)
09. Biến động các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác	(701.539)	2.397.823
10. Biến động các khoản về kinh doanh chứng khoán	(1.838.178)	(7.241.362)
11. Biến động các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	(10.911)
12. Biến động các khoản cho vay khách hàng	(12.576.399)	(11.514.629)
13. Biến động nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản cho vay khách hàng	(202.924)	(48.986)
14. Biến động khác về tài sản hoạt động	321.016	98.082
Những thay đổi về công nợ hoạt động	11.998.597	20.699.570
15. Biến động các khoản nợ chính phủ và NHNN	6.971.394	(37.431)
16. Biến động các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD	(3.352.720)	11.822.471
17. Biến động tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)	4.303.088	7.908.710
18. Biến động phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)	4.377.000	828.000
19. Biến động vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	(393)	-
20. Biến động các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	81.141	(65.794)
21. Biến động khác về công nợ hoạt động	(380.913)	242.215
22. Chi từ quỹ của tổ chức tín dụng	-	1.399
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(1.154.328)	5.533.407
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01. Mua sắm tài sản cố định	(31.012)	(97.472)
02. Mua sắm bất động sản đầu tư	(9.882)	(21.264)
03. Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư	26.598	63.354
04. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	(688.500)	-
05. Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	1.123	4.163
06. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	1.994	1.970
II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(699.679)	(49.249)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: Triệu VND

STT CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
01. Tăng vốn cổ phần từ phát hành cổ phiếu	1.642.640	-
III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	1.642.640	-
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(211.367)	5.484.158
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	19.313.001	13.828.843
VI. Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	-	-
VII. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (Thuyết minh số 34)	19.101.634	19.313.001

Người lập biểu



Nghiêm Thị Thu Nga
Người lập biểu

Người phê duyệt



Nguyễn Thị Hoài Phương
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Nguyễn Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất